

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện
Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 184/TTr-SNN ngày 01/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Nội vụ; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Định; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo)
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Hội, đoàn thể;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP + CV UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Bình Định**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Bình Định (sau đây viết tắt là Kế hoạch hành động), với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đồng thời phát triển nông nghiệp dựa trên lợi thế của tỉnh và các địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao, góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người tham gia sản xuất nông nghiệp; tạo việc làm phi nông nghiệp để phát triển sinh kế đa dạng, giảm nghèo bền vững cho người dân nông thôn, đảm bảo cơ hội phát triển công bằng giữa các vùng, miền của tỉnh. Phát triển nông thôn toàn diện, hiện đại gắn với quá trình đô thị hóa, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ và tiệm cận với khu vực đô thị; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng nông thôn xanh, sạch, đẹp, an ninh, trật tự được đảm bảo. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ có hiệu quả cao, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng giá trị tăng thêm nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt bình quân khoảng 3,5%/năm, tốc độ tăng năng suất lao động nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 4-5%/năm.
- Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 5-6%/năm.
- Thu nhập của cư dân nông thôn cao hơn 2,5-3 lần so với năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân 1-1,5%/năm.
- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%, tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 70%.

- Toàn tỉnh có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 45% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; trên 65% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 25% số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Phát triển nền nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường, phấn đấu giảm phát thải khí nhà kính 10% so với năm 2020. Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 58%, diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt trên 20.000 ha.

- Thành lập Khu bảo tồn biển Vịnh Quy Nhơn và một số khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven biển của tỉnh Bình Định.

- Quy hoạch và hình thành các vùng sản xuất chuyên canh đối với các sản phẩm nông lâm thủy sản chủ lực của tỉnh.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Bình Định trở thành điểm kết nối giao thông quan trọng và logistic trong khu vực. Tỉnh Bình Định nằm trong nhóm đầu các địa phương trong Vùng duyên hải Nam Trung Bộ về sản xuất nông nghiệp công nghệ cao ứng dụng thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0; phát triển nông lâm nghiệp và thủy sản bền vững trên cơ sở chuyên đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực nuôi trồng, chế biến thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi. Việc tổ chức sản xuất, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản theo hướng gắn với thương mại điện tử, thương mại xuyên biên giới, kết hợp với thương mại truyền thống.

II. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN BỀN VỮNG

1. Hoàn chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế cạnh tranh và nhu cầu thị trường

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn. Đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu. Mở rộng các hoạt động cốt lõi và nâng cao hơn nữa hiệu quả của nông lâm thủy sản bằng cách tập trung vào các nông sản có giá trị cao hơn, áp dụng các giải pháp khoa học công nghệ; đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị và thúc đẩy hợp tác, liên kết chặt chẽ giữa các địa phương, giữa các vùng và kết nối chuỗi giá trị cả nước.

Định hướng phát triển các sản phẩm nông nghiệp chính của tỉnh, như sau:

- Về trồng trọt: Đổi mới cơ cấu cây trồng theo hướng giảm tỷ trọng giá trị sản xuất cây lương thực, cây công nghiệp lâu năm trong cơ cấu giá trị sản xuất trồng trọt; tăng tỷ trọng cây công nghiệp ngắn ngày, cây rau, cây ăn quả đáp ứng

nhu cầu tiêu dùng của thị trường. Ưu tiên phát triển các cây trồng có lợi thế so sánh và nhu cầu lớn (lúa gạo chất lượng cao, lạc, rau các loại), đồng thời có bước đi phù hợp để thúc đẩy phát triển các cây trồng mới có triển vọng như: cây dược liệu, cây cảnh, nấm ăn... Trong đó, tập trung phát triển nhóm cây trồng chủ lực cấp tỉnh và sản phẩm đặc thù của các địa phương, như:

+ Lúa: Nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa; trong đó, chú trọng phát triển diện tích lúa chất lượng cao. Tiếp tục đẩy mạnh việc chuyển giao, nhân rộng các quy trình canh tác lúa tiên tiến, tạo ra sản phẩm sạch, an toàn. Phát triển mở rộng dự án cánh đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa áp dụng quy trình thâm canh lúa cải tiến (SRI) tại các vùng sản xuất tập trung: Tuy Phước, Tây Sơn, An Nhơn, Hoài Nhơn...

+ Rau các loại: Phát triển vùng sản xuất rau an toàn tại các địa phương: Tuy Phước, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát, An Lão, An Nhơn, Hoài Nhơn. Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, hướng đến xuất khẩu; phát triển mở rộng vùng sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGap trên cơ sở tăng cường chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, công nghệ cao, áp dụng quy trình sản xuất tốt, hữu cơ để nâng cao chất lượng và giá trị nông sản.

+ Lạc: Đẩy mạnh chuyển đổi đất sản xuất lúa, mía, sắn sang sản xuất lạc; ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ các khâu từ trồng, chăm sóc đến thu hoạch, sơ chế, bảo quản. Xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ và chế biến lạc tại các huyện có diện tích sản xuất tập trung: Phù Cát, Phù Mỹ, Tây Sơn. Phát triển sản xuất lạc giống và xây dựng các vùng lạc chuyên canh để kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến các sản phẩm từ lạc.

+ Ngô: Ổn định diện tích trồng ngô hiện có; tập trung đầu tư thâm canh, tăng vụ, chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang trồng ngô cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi của tỉnh; phát triển mô hình trồng ngô sinh khối, ngô ngọt theo hướng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

+ Dừa: Tập trung đầu tư thâm canh, cải tạo vườn dừa, ưu tiên phát triển dừa lấy nước gắn với phát triển du lịch; tăng cường áp dụng các giải pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất; đầu tư xây dựng các mô hình trồng dừa ứng dụng công nghệ cao, theo tiêu chuẩn VietGAP; đẩy mạnh chế biến các sản phẩm từ dừa, như: dầu dừa tinh khiết, bánh tráng nước dừa,...

- Hoa: Xây dựng và phát triển làng nghề sản xuất cây Mai vàng Nhơn An (thị xã An Nhơn), làng nghề trồng hoa Bình Lâm (huyện Tuy Phước); làng hoa Vĩnh Sơn (huyện Vĩnh Thạnh) theo hướng ứng dụng công nghệ cao để nâng cao hiệu quả trồng hoa, bảo vệ môi trường gắn với phát triển du lịch; đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ trồng hoa tiên tiến, sử dụng các giống hoa mới có giá trị, phù hợp với thị hiếu đối với từng vùng trồng hoa chuyên canh.

- Cây ăn quả: Tập trung phát triển các cây ăn quả có lợi thế của tỉnh như: bưởi, xoài... hình thành vùng sản xuất tập trung theo hướng an toàn và áp dụng các công nghệ cao, như: trồng theo hướng hữu cơ, VietGap, hệ thống tưới tự

động hoặc bán tự động; đồng thời chuyển đổi đất trồng rừng sản xuất thích hợp sang trồng cây ăn quả tại các địa phương: Hoài Ân, Phù Cát, Tây Sơn, An Lão, Phù Mỹ, Hoài Nhơn.

- Về chăn nuôi: Phát triển các ngành hàng có tiềm năng và thị trường tiêu thụ như: gà giống lông màu, thịt gia cầm, trứng, sữa. Duy trì chăn nuôi lợn, bò, đẩy mạnh chăn nuôi gà. Phát triển giống bò thịt chất lượng cao, các giống gà hiện có, tăng tỷ lệ đàn lợn ngoại; đồng thời phát triển vật nuôi bản địa, đặc sản có giá trị cao, như: lợn thảo dược, lợn đen, gà thả đồi. Xây dựng nền chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường. Quản lý và sử dụng hiệu quả chất thải chăn nuôi, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi. Đẩy mạnh chăn nuôi trang trại tập trung quy mô công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; đồng thời khuyến khích chăn nuôi hộ truyền thống có cải tiến theo hướng chuyên nghiệp hóa, chăn nuôi hữu cơ. Xây dựng Khu chăn nuôi trang trại tập trung Nhơn Tân (thị xã An Nhơn) thành Vùng chăn nuôi công nghệ cao của tỉnh và hình thành các khu vực chăn nuôi trang trại tập trung ở các huyện: Phù Cát, Tây Sơn, Hoài Ân. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị khép kín từ khâu sản xuất đến thu mua, giết mổ gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm gia súc, gia cầm. Tăng cường xúc tiến, quảng bá sản phẩm chăn nuôi.... Trong đó, tập trung phát triển 03 nhóm vật nuôi chính, chủ lực của tỉnh là bò, lợn, gà; cụ thể:

+ Bò: Phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao gắn với phát huy nhãn hiệu “Bò thịt chất lượng cao Bình Định”. Phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; phát triển các HTX chăn nuôi bò gắn với liên kết tổ chức sản xuất, tiêu thụ.

+ Lợn: Phát triển chăn nuôi lợn với các giống cao sản theo hướng trang trại công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tăng đàn lợn chăn nuôi theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học. Phát triển hệ thống quản lý chăn nuôi chuyển đổi số, hệ thống giết mổ công nghiệp hiện đại, bảo đảm an toàn dịch bệnh và an toàn thực phẩm gắn với chăn nuôi trang trại quy mô vừa và lớn. Hình thành và nhân rộng các chuỗi liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm lợn hơi. Xây dựng các vùng chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh của tỉnh; xây dựng nhãn hiệu “lợn Hoài Ân”.

+ Gà: Tập trung phát triển sản xuất gà giống lông màu chất lượng cao tại các huyện Tuy Phước, Vân Canh, An Nhơn, Phù Cát; đưa Bình Định trở thành trung tâm sản xuất gà giống lông màu chất lượng cao của cả nước, hướng tới xuất khẩu. Đẩy mạnh chăn nuôi theo hướng trang trại công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo an toàn sinh học, gắn với xây dựng vùng an toàn dịch bệnh để tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm thịt, trứng có chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm. Hình thành và nhân rộng các chuỗi liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm thịt, trứng gia cầm, hướng tới xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gà thả đồi, xây dựng thương hiệu gà đồi Bình Định.

Ngoài ra, khuyến khích phát triển nghề nuôi chim yến có sự kiểm soát tại các vùng miền núi, trung du và đồng bằng của tỉnh phù hợp với các quy định

của pháp luật.

- Về thủy sản: Phát triển ngành thủy sản thành ngành sản xuất chiến lược, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, trong đó:

+ Về nuôi trồng thủy sản: Phát triển ngành nuôi thủy sản theo hướng nuôi tập trung công nghiệp, công nghệ hiện đại với các cơ sở sản xuất quy mô lớn; đối với hộ quy mô nhỏ thì áp dụng công nghệ cải tiến, nuôi hữu cơ, phối hợp nuôi lồng bè, ao hồ tập trung và luân canh/xen canh. Ưu tiên phát triển vùng nuôi chuyên canh chính cho các sản phẩm chiến lược của tỉnh là tôm thẻ chân trắng, đồng thời phát triển một số sản phẩm nuôi có tiềm năng, phát triển nuôi biển, như: tôm hùm, nhuyễn thể (hàu, ốc hương), cá biển tại vùng biển Quy Nhơn, Phù Mỹ. Phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ thành vùng nông nghiệp công nghệ cao của khu vực miền Trung. Ứng dụng công nghệ hướng đến tái tạo nước thải nuôi trồng, chế biến thủy sản, giảm sức ép lên môi trường. Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi thủy sản tại các vùng nuôi chuyên canh. Tổ chức liên kết hiệu quả giữa doanh nghiệp sản xuất lớn và hộ sản xuất nhỏ thông qua phát triển kinh tế hợp tác. Chủ động trong việc cung ứng các đầu vào thiết yếu (giống, thức ăn, thuốc) và chế biến thủy sản. Cùng cố phát triển nuôi trồng thủy sản ven bờ kết hợp trồng và bảo vệ rừng ngập mặn.

+ Về khai thác thủy sản: Phát triển khai thác thủy sản vùng khơi hiệu quả, bền vững trên cơ sở giảm dần cường lực khai thác, cân đối với trữ lượng nguồn lợi thủy sản, tái bố trí sinh kế của cộng đồng ngư dân sang phát triển nuôi trồng, chế biến thủy sản, dịch vụ du lịch... Tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản vùng lồng, vùng ven bờ và khai thác thủy sản nội địa hợp lý. Tiếp tục áp dụng khoa học công nghệ và phát triển kinh tế hợp tác thu hút đầu tư doanh nghiệp để hiện đại hóa quản lý nguồn lợi thủy sản và hoạt động của đội tàu khai thác, hoàn chỉnh đầu tư dịch vụ hạ tầng cơ sở nghề cá tại các cảng cá của tỉnh; xây dựng và phát triển bền vững chuỗi liên kết khai thác, thu mua, chế biến tiêu thụ sản phẩm thủy sản; phát triển khai thác cá ngừ đại dương ứng dụng công nghệ cao để nâng cao chất lượng, tạo nguồn nguyên liệu ổn định, bền vững; xây dựng trung tâm nghề cá của tỉnh tại vùng biển Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn. Tăng cường bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản gắn với bảo tồn đa dạng sinh học.

- Về lâm nghiệp: Tập trung quản lý chặt chẽ, bảo vệ và sử dụng bền vững rừng tự nhiên hiện có; đẩy mạnh tái sinh tự nhiên, nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ nhất là những khu vực nhạy cảm về môi trường; phát triển du lịch sinh thái và kinh tế dưới tán rừng góp phần tăng thu nhập cho người dân, đồng thời phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh phát triển lâm sản ngoài gỗ, tập trung vào các nhóm sản phẩm có thế mạnh như: Dược liệu, thực phẩm; các dịch vụ môi trường rừng (bao gồm hình thành bể chứa các-bon từ rừng), du lịch sinh thái.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh đối với rừng trồng sản xuất; phát triển các vùng chuyên canh trồng rừng tập trung khu vực phía Tây và Tây Bắc của tỉnh, phát triển rừng trồng gỗ lớn đạt tiêu chuẩn đáp ứng cơ bản nguyên

liệu cho công nghiệp chế biến gỗ và sản xuất thủ công nghiệp của tỉnh. Hình thành các vùng sản xuất cây giống lâm nghiệp công nghệ cao của tỉnh tại các huyện Vân Canh, Tuy Phước, Tây Sơn; đưa Bình Định trở thành trung tâm sản xuất giống cây lâm nghiệp công nghệ cao của cả nước.

2. Tổ chức các khâu quan trọng trong sản xuất nâng cao hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững

- Hoàn thiện công tác nghiên cứu, chọn tạo, chuyển giao và ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu; bảo tồn và phát triển giống bản địa. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất giống theo hướng hiện đại; tăng cường công tác quản lý giống, đảm bảo tỷ lệ sử dụng giống đạt tiêu chuẩn kỹ thuật; trong đó: Lĩnh vực trồng trọt: Phát triển sản xuất giống lúa, giống lạc; lĩnh vực chăn nuôi: Phát triển các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất giống gia cầm, giống lợn; lĩnh vực thủy sản: Đảm bảo chủ động cung cấp nhu cầu giống chất lượng và sạch bệnh cho các đối tượng thủy sản nuôi chủ lực, giống tôm thẻ chân trắng, giống tôm sú; lĩnh vực lâm nghiệp: Phát triển sản xuất giống cây lâm nghiệp công nghệ cao.

- Hình thành khu sản xuất giống tập trung chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, như: Giống cây trồng: Khu sản xuất giống lúa (Tuy Phước, An Nhơn), khu sản xuất giống lạc (Tây Sơn, Phù Cát); Khu sản xuất giống cây lâm nghiệp công nghệ cao (Tuy Phước, Vân Canh, Tây Sơn); Giống chăn nuôi: Khu sản xuất giống gia cầm chất lượng cao (Tuy Phước, An Nhơn, Vân Canh, Phù Cát), Khu sản xuất giống lợn tập trung tại Cát Lâm, Phù Cát; Giống thủy sản: Xây dựng các cơ sở sản xuất giống thủy sản nước mặn, lợ tập trung tại khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ.

- Xây dựng các vùng sản xuất tập trung tạo ra các vùng nguyên liệu quy mô lớn gắn với thị trường và phát triển công nghiệp chế biến, tăng tỷ trọng chế biến sâu để giảm chi phí và nâng cao giá trị nông sản, như: Vùng sản xuất lúa, lúa giống, lạc, ngô, sắn, dừa, rau, cây ăn quả; Vùng phát triển nuôi tôm công nghệ cao tại Tuy Phước, Phù Mỹ, Phù Cát; Khu chăn nuôi công nghệ cao tại Nhơn Tân, An Nhơn; Khu trồng trọt chất lượng cao Tuy Phước; Khu sản xuất và chế biến dừa công nghệ cao; Khu giết mổ, chế biến động vật tập trung hướng tới xuất khẩu tại thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn.

- Tăng tỷ lệ ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị, tập trung cho sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới nông nghiệp. Hỗ trợ nông dân đầu tư, áp dụng tiến bộ KHKT, công nghệ cao để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Khuyến khích phát triển các Doanh nghiệp Nông nghiệp công nghệ cao để tạo động lực phát triển nông nghiệp hiện đại.

3. Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị, các mô hình nông nghiệp tiên tiến

- Hình thành và phát triển các hợp tác xã chuyên ngành, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp trên cơ sở các vùng chuyên canh hàng hóa quy mô lớn của các nông sản chủ lực, nhằm giảm dần các khâu trung gian, tăng cường liên kết với các doanh nghiệp chế biến hoặc thương mại lớn để hình thành các chuỗi giá trị; lấy chuỗi giá trị của các nông sản để kết nối các vùng chuyên canh nhỏ, hình thành không gian sản xuất kinh tế chung giữa các vùng, địa phương.

- Nghiên cứu thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới làm hình mẫu cho các vùng chuyên canh, phù hợp với điều kiện, đặc thù của tỉnh, như: Nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp (chế biến nông sản, tái chế phế, phụ phẩm,...), nông nghiệp kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ kinh doanh nông sản...), như: Xây dựng vùng sản xuất nông sản hữu cơ, nông sản sạch, tập trung vào các sản phẩm rau, lúa và cây ăn trái hữu cơ; hình thành một số vùng sản xuất nông nghiệp thân thiện môi trường gắn với phát triển du lịch sinh thái ở các địa phương như: Tây Sơn, Quy Nhơn, Tuy Phước, Hoài Ân, An Lão.

- Hỗ trợ, thúc đẩy xây dựng phát triển các mô hình, dự án liên kết trồng rừng cây gỗ lớn hiệu quả tạo mối liên kết bền vững giữa người trồng rừng với các Doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển kinh tế nông thôn tạo việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn

Cùng với phát triển nông nghiệp, chú trọng phát triển kinh tế nông thôn, chuyển đổi cơ cấu lao động theo hướng phi nông nghiệp để giải quyết việc làm, đảm bảo thu nhập:

- Đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ ở khu vực nông thôn, có các chính sách thu hút đầu tư để khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ đầu tư vào nông thôn, nhất là các ngành sử dụng nhiều lao động để chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn ngay tại địa phương; rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch làng nghề trên cơ sở nhu cầu thị trường và lợi thế từng địa phương; có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ các làng nghề tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại kết hợp với kỹ thuật thủ công truyền thống; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của làng nghề.

- Phát triển mạnh kinh tế dịch vụ ở khu vực nông thôn, đa dạng hóa các loại hình, quy mô... để tạo việc làm, thu hút lực lượng lao động không tham gia sản xuất nông nghiệp; hình thành một nền kinh tế dịch vụ ở khu vực nông thôn, như: cung cấp giống cây trồng, vật tư phân bón, nước sinh hoạt, thú y, tiêu thụ nông sản, tín dụng, y tế ...

- Từng bước làm thay đổi về trình độ, tư duy, nhận thức của người làm nông nghiệp, hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho nông dân phát triển kinh tế, trang trại và kinh tế hợp tác. Hỗ trợ để nông dân tại

các vùng chuyên canh tham gia các chương trình đào tạo có chứng chỉ để sản xuất ra sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và các yêu cầu mới của thị trường.

5. Xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống

- Nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông thôn đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị. Tập trung xây dựng hoàn thiện hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, thương mại, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, hạ tầng công nghệ thông tin; khuyến khích đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung theo hình thức xã hội hóa, khuyến khích tối đa đầu tư tư nhân, đầu tư theo hình thức hợp tác công tư gắn với nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

- Đổi mới nội dung hoạt động, nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với trình độ phát triển, văn hóa và điều kiện cụ thể của vùng miền, đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững. Tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ đầu tư các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã đặc biệt khó khăn; hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục duy trì, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí, bảo đảm bền vững. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu để tạo lập môi trường, cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; an ninh trật tự được giữ vững. Xây dựng nông thôn mới thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm thay đổi căn bản hoạt động quản lý, điều hành, giám sát của cơ quan chính quyền; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, góp phần thu hẹp khoảng cách thụ hưởng dịch vụ xã hội cơ bản với thành thị.

- Định hướng đa dạng hóa chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với lợi thế vùng miền, điều kiện và cơ hội phát triển địa phương theo 3 hướng:

+ Các xã khu vực ven đô có kinh tế phi nông nghiệp chiếm đa số, dịch vụ, thương mại và cơ sở hạ tầng phát triển mạnh thì hướng tới đô thị hóa. Phát triển nông nghiệp đô thị, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển dịch vụ xã hội có chất lượng tiệm cận với thành thị.

+ Các xã thuộc các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa thì xây dựng các vùng chuyên canh đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, có cơ sở hạ tầng và các cụm ngành chế biến - dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh. Hỗ trợ kết nối hạ tầng với các khu trung chuyển, dịch vụ hậu cần. Phát triển các khu dân cư nông thôn theo địa bàn sản xuất, liên kết hài hòa với nhau đảm bảo cung cấp dịch vụ kinh tế - xã hội.

+ Các xã nông thôn miền núi thì tiếp tục phát triển sản phẩm đặc sản địa phương, làng nghề truyền thống; phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch nông thôn trên cơ sở bảo tồn và phát huy văn hóa địa phương. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là đối với vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Phát triển

các khu dân cư tập trung có quy mô thích hợp liên kết phù hợp.

6. Phát triển bao trùm, đảm bảo công bằng phúc lợi xã hội ở nông thôn

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn. Trong đó, triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Bình Định; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, trên địa bàn tỉnh Bình Định; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Bình Định.

7. Xây dựng cộng đồng vững mạnh làm nòng cốt phát triển nông thôn, sản xuất nông nghiệp

Phát huy sáng tạo trong các hoạt động đời sống, phát triển kinh tế, phát triển du lịch nông thôn. Hỗ trợ và phát huy vai trò của cộng đồng và người dân trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương. Tiếp tục phát triển phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” giai đoạn 2021-2026 đi vào chiều sâu, chất lượng, hiệu quả, thiết thực; gắn kết và phát huy vai trò của Phong trào với phát triển văn hóa nông thôn; xây dựng nông thôn mới; Phòng trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa việc xây dựng các thiết chế văn hóa và hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

8. Bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thích nghi biến đổi khí hậu

- Phát triển cảnh quan nông thôn trên cơ sở phát huy lợi thế từng địa phương, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên. Quy hoạch không gian hợp lý để các ngành sản xuất có tác động nhiều đến môi trường như: chăn nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản, chế biến nông sản, giết mổ, xử lý chất thải... cách xa các khu đô thị, vùng dân cư đông dân. Tập trung trồng lại rừng phòng hộ và đặc dụng, tại các lưu vực hồ chứa để bảo vệ chặt chẽ những vùng nhạy cảm về sinh thái, môi trường.

- Đẩy mạnh chế biến sâu, tận dụng phụ phẩm nông sản để chủ động xử lý ô nhiễm ngay tại nguồn; áp dụng kỹ thuật thông minh, kinh tế tuần hoàn để tiết kiệm đầu vào, phát triển mạnh tiềm năng sản xuất năng lượng tái tạo kết hợp nông nghiệp để giảm lượng nguyên liệu hóa thạch, giảm phát thải cacbon; tăng cường trồng rừng, phát triển các cây lâu năm có sinh khối lớn trên bờ và phát triển nuôi trồng các loại rong tảo trên biển để tăng hấp thụ các-bon.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, không thoái hóa, không làm tổn hại đến đa dạng sinh học. Phát triển sản xuất phân bón hữu cơ phục vụ cho nền sản xuất

nông nghiệp sinh thái; mở rộng việc áp dụng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, thực hiện phổ cập quy trình phòng trừ sâu bệnh tổng hợp (IPM). Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong bảo quản, chế biến nông sản.

- Xác định và khoanh vùng bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng của tỉnh, như: bảo tồn và có kế hoạch bảo vệ hiệu quả rừng tự nhiên (huyện An Lão, huyện Vĩnh Thạnh); bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn, hệ sinh thái đầm Thị Nại, đầm Trà Ổ, đầm Đê Gi; bảo vệ hệ sinh thái các rạn san hô ở vùng biển thành phố Quy Nhơn và một số khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven biển của tỉnh Bình Định.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, phổ biến đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động

Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới, về cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh; nhằm thống nhất từ nhận thức đến hành động của các cấp, các ngành và toàn xã hội về phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững. Trong đó, giai đoạn 2021-2025, đẩy mạnh tuyên truyền về các nội dung thuộc Chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

2. Đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh, nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất, năng lực và vai trò của các tổ chức hợp tác của nông dân trong việc tổ chức sản xuất theo chuỗi từ cung cấp dịch vụ đầu vào, bảo quản, chế biến nông sản và tiếp cận thị trường. Tiếp tục đổi mới, phát triển hợp tác xã trở thành nhân tố kinh tế quan trọng trong sản xuất và tiêu thụ, kết nối các thành phần trong chuỗi giá trị, đặc biệt là doanh nghiệp. Thực hiện các hoạt động hỗ trợ hợp tác xã từ khâu cung cấp vật tư đầu vào, liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ nông sản đầu ra và cung cấp các dịch vụ phục vụ sản xuất bao gồm cả tín dụng. Xây dựng các liên hiệp các hợp tác xã có cùng nhóm sản phẩm hoặc cùng tham gia một chuỗi giá trị nhằm tăng quy mô, nâng cao hiệu quả. Trong đó, tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề; trình độ, hiệu quả công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, lao động trẻ nông thôn đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số theo hướng “trí thức hóa nông dân”; chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường để

thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, gắn với giải quyết việc làm. Trong đó, tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến và chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, coi đây là một trong những động lực và giải pháp có tính chất quyết định sự thành công của tái cấu trúc ngành nông nghiệp. Trong đó tập trung triển khai có hiệu quả một số chương trình, như: Chương trình hành động về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025; Chương trình nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh; Chương trình hành động về phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

4. Phát triển thị trường đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản

- Đổi mới hệ thống phân phối nông sản; kết nối hệ thống chế biến, phân phối và bán lẻ hiện đại, truyền thống với các chuỗi cung ứng nông sản và gắn với các vùng chuyên canh, liên kết để đưa nông sản của tỉnh vào các hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trong cả nước. Hình thành hệ thống chợ đầu mối nông sản gắn với chuỗi logistic ở các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp; trong đó, giai đoạn 2021-2025 triển khai xây dựng 02 chợ đầu mối nông sản khu vực phía Bắc và phía Nam tỉnh (Hoài Nhơn và An Nhơn). Đầu tư hiện đại hóa hệ thống chợ nông thôn của tỉnh phù hợp với tập quán và điều kiện cụ thể của từng địa phương, thực hiện tốt truy xuất nguồn gốc, chất lượng hàng hóa, bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Triển khai Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường nông sản đáp ứng yêu cầu của ngành nông nghiệp hàng hóa hiện đại, quy mô lớn. Nâng cao năng lực dự báo, đánh giá, cảnh báo thông tin về thị trường các nông sản để doanh nghiệp, người dân chủ động điều chỉnh sản xuất phù hợp với yêu cầu thị trường, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thừa cung nông sản. Hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ nông dân, như: xây dựng chỉ dẫn địa lý, thiết lập mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, bảo hộ sở hữu trí tuệ, bảo hộ bản quyền thương hiệu,....

5. Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

- Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn ngày càng hiện đại, đảm bảo tăng cường liên kết vùng, đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất nông nghiệp bền vững, hiện đại với quy mô sản xuất hàng hóa lớn và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển các công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoặc thu gom chất thải rắn sinh hoạt địa bàn nông thôn tiến đến đầu tư các công trình xử lý chất thải tập trung đảm bảo về môi trường.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thủy lợi, thủy lợi nội đồng, phát triển thủy lợi nhỏ trên địa bàn tỉnh; trong đó, ưu tiên hoàn thiện hệ thống thủy lợi đảm bảo

nguồn nước, chủ động cấp nước cho diện tích chuyên trồng lúa, diện tích các cây trồng cạn chủ lực của tỉnh, vùng nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai đồng bộ, đảm bảo đủ khả năng chống chịu trước thiên tai và giảm thiểu thiệt hại về người và sản xuất. Trong đó: tổ chức triển khai các danh mục đầu tư công giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt; nâng cấp tăng dung tích chứa nước hồ Định Bình, chủ động điều tiết giảm ngập lụt cho vùng An Nhơn, Tuy Phước, đồng thời chuyển nước từ hồ Định Bình đến các vùng hạn; nâng cấp tăng dung tích nước hồ Núi Một; chuyển nước hồ Đồng Mít từ sông Lại Giang vào khu vực Bắc Phù Mỹ. Đầu tư nâng cấp cảng cá Tam Quan, Đề Gi kết hợp với đầu tư đồng bộ khu neo đậu tàu thuyền nghề cá để tăng hiệu quả đầu tư, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

6. Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, trên địa bàn tỉnh. Tinh giảm thủ tục, minh bạch thông tin, quy trình hóa công việc gắn với trách nhiệm cụ thể từng cá nhân, tổ chức. Trong đó, triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hành động của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025 và Chương trình hành động của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025.

- Đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng triệt để trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, được đầu tư theo hiệu quả đóng góp. Đẩy mạnh xã hội hóa, phân cấp cho các tổ chức nông dân, kinh tế hợp tác và khối tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ công (khuyến nông, nghiên cứu khoa học, thông tin thị trường,... gắn với kinh tế hợp tác, với hội đồng ngành hàng, hiệp hội doanh nghiệp,...). Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển hệ thống tư vấn, dịch vụ kỹ thuật phục vụ khách hàng tại các vùng sản xuất thuận tiện. Tập trung cán bộ và kinh phí nhà nước vào dịch vụ bảo vệ sản xuất (thứ y, bảo vệ thực vật, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kiểm lâm, phòng chống thiên tai...) để phòng chống dịch bệnh, quản lý rủi ro. Phối hợp đồng bộ công tác kiểm dịch, dự báo, cảnh báo, kiểm dịch nội địa, kiểm tra sản xuất, thông tin dịch bệnh...

- Đổi mới, nâng cao vai trò của Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã tỉnh để thực sự trở thành đại diện bảo vệ quyền lợi và phục vụ cho nông dân và xã viên hợp tác xã. Nâng cao vị thế, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; các hội, hiệp hội nghề nghiệp, đưa các tổ chức xã hội ở nông thôn vào tham gia quá trình phát triển kinh tế - xã hội, môi trường. Xây dựng cộng đồng dân cư ở nông thôn hiện đại, dân chủ, công bằng, văn minh theo phương châm: "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng" để người dân thực sự đóng vai trò chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển.

7. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn

Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số

trong nông nghiệp nông thôn. Phát triển quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đẩy mạnh phát triển ứng dụng công nghệ số trong các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp. Phát triển khuyến nông điện tử, thương mại điện tử. Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, vật nuôi, rừng, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường,...). Trong đó, tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy chuyên đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

8. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu để thích ứng, phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo hướng bền vững. Áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính thông qua quản lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đầu vào; xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp; quản lý và sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng rừng mới (nhất là rừng gỗ lớn); phát triển nông nghiệp sinh thái, đa dạng thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích, tăng cường áp dụng các công nghệ hiện đại, các giống cây trồng, vật nuôi có tính chống chịu cao. Tăng cường nghiên cứu và chuyển giao các giống vật nuôi, cây trồng thích ứng được với điều kiện biến đổi khí hậu. Triển khai có hiệu quả Đề án tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo hướng tự động hóa cho cây trồng cạn.

- Xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo, xác định rủi ro để đề ra các giải pháp phù hợp bảo vệ sản xuất trước các nguy cơ về dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm môi trường... Có kế hoạch, giải pháp chủ động đối phó, khắc phục các rủi ro, nguy cơ trong sản xuất và phát triển nông thôn, như: các đối tượng dịch bệnh chính gây thiệt hại quy mô rộng (cúm gia cầm, tả lợn châu Phi,...), các hiện tượng nguy hại (sụt lở sông, sụt lún nền đất, xâm nhập mặn,...) tại các địa phương, đảm bảo phát triển vững bền.

9. Hội nhập và hợp tác quốc tế

Nâng cao năng lực, hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế về nông nghiệp và nông thôn, mở rộng hợp tác với các quốc gia, các tổ chức quốc tế để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, tiếp cận khoa học công nghệ phục vụ cho các mục tiêu phát triển của ngành. Nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng các nguồn vốn phát triển chính thức (ODA), tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho thực hiện phát triển bền vững; thu hút có lựa chọn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

10. Xây dựng, hoàn thiện và triển khai một số cơ chế, chính sách đột phá

- Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách đột phá do Trung ương ban hành, như:

+ Về đất đai: Tạo điều kiện cho nông dân mở rộng quy mô sản xuất và sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp đạt thu nhập cao; người dân dễ dàng chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn, thế chấp trong thị trường giao dịch thống nhất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai. Có chính sách hỗ trợ nông dân tập trung đất nông nghiệp làm trang trại. Có chính sách hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp; hợp tác xã kiểu mới đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp, liên hiệp hợp tác xã mua, thuê hoặc nhận vốn góp bằng đất nông nghiệp của các hộ nông dân. Rà soát lại cơ cấu 3 loại rừng (rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng) phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh.

+ Về tín dụng: Thực hiện đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ, sinh thái...

+ Về phát triển nguồn nhân lực: Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; trong đó giao quyền chủ động cho các hợp tác xã, tổ chức nông dân, cộng đồng địa phương và doanh nghiệp tham gia đề xuất nội dung đào tạo nhằm theo sát yêu cầu thực tế gắn với giải quyết việc làm và phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Xây dựng chương trình đào tạo “nông dân chuyên nghiệp”, “lao động tay nghề cao”.

- Ngoài ra, tập trung xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các Chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM, ƯU TIÊN

Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược. Bao gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.
2. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030.
3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.
4. Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương tổ chức triển khai Kế hoạch hành động này; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị chuyên môn của Sở và hướng dẫn các địa phương triển

khai thực hiện; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT kết quả thực hiện hàng năm và theo yêu cầu. Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh giai đoạn 2021-2025, góp phần hoàn thành các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch hành động này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh ưu tiên bố trí kinh phí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của Tỉnh để xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn góp phần đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch hành động này. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình hành động của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025 góp phần hoàn thành các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch hành động này.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan, căn cứ điều kiện, khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch hành động này theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025, góp phần hoàn thành các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch hành động này. Triển khai Đề án bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông, lâm, thủy hải sản tập trung cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025. Tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách và hoạt động thúc đẩy tiêu thụ nông sản; hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia chuỗi cung ứng thương mại điện tử. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành liên quan và địa phương xây dựng chính sách ưu tiên thúc đẩy phát triển cụm công nghiệp - dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp. Chủ trì, phối hợp với các sở: Nông nghiệp và PTNT, Giao thông vận tải và các sở, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng Đề án phát triển logistic gắn với vùng sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

5. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025 góp phần hoàn thành các các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch hành động này. Chủ trì rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp,

đặc biệt là công nghệ cao, công nghệ số; xây dựng cơ chế thúc đẩy xã hội hóa nguồn lực phát triển khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, bảo vệ và khai thác các sản phẩm nông nghiệp nông thôn được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các địa phương rà soát, quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất liên quan đến quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp. Tổ chức triển khai các chính sách Trung ương và của tỉnh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường có liên quan đến phát triển nền nông nghiệp xanh, giảm phát thải và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường khu vực nông nghiệp nông thôn, bảo tồn đa dạng sinh học.

7. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp triển khai thực hiện các nội dung thuộc Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/09/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, góp phần hoàn thành các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch hành động này; phối hợp thực hiện Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh đến năm 2030. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông sản đáp ứng nhu cầu của cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

9. Sở Du lịch phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng, triển khai các chương trình, đề án gắn với phát triển du lịch; phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm thuộc Chương trình “Một xã một sản phẩm” (OCOP) tại các điểm du lịch của tỉnh.

10. Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương tiếp tục phát triển phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với xây dựng nông thôn mới. Triển khai các nội dung của Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh góp phần thực hiện hoàn thành các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch hành động này.

11. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện các nội dung Chương trình hành động của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025, góp phần hoàn thành các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch hành động này.

12. Ngân hàng Nhà nước tỉnh tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng cân đối

nguồn vốn đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn và tạo điều kiện tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng để các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư vào dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, công nghiệp chế biến nông sản.

13. UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ các mục tiêu, định hướng và giải pháp của Kế hoạch hành động, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn phù hợp với thực tiễn.

Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách trung ương, tỉnh đã ban hành, đồng thời nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả phát triển nông nghiệp, nông thôn. Bố trí ngân sách địa phương các cấp, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Xây dựng các chương trình, đề án, dự án trọng điểm phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của địa phương; ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực và các sản phẩm đặc sản của địa phương, gắn với công nghiệp chế biến nông sản và thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Triển khai các giải pháp tăng cường liên kết vùng, hướng tới phát triển các cụm liên kết sản xuất - bảo quản, chế biến - tiêu thụ nông sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ, kết nối với cơ sở chế biến nông sản và hệ thống logistic, kênh phân phối, tiêu thụ nông sản.

14. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội chủ động, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành liên quan, địa phương triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp để thực hiện theo các mục tiêu, định hướng của Kế hoạch hành động; tham gia có trách nhiệm trong công tác truyền thông, phản biện xã hội và vận động thành viên, hội viên, quần chúng nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tham gia đề xuất cơ chế chính sách và biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân là thành viên tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn./.

Phụ lục:
CÁC CHÍNH SÁCH, ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH, NGHỊ QUYẾT THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050, TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ - UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
I	Ban hành các cơ chế, chính sách đột phá				
1	Chính sách khuyến khích ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất trồng trọt	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành chính sách	2022
2	Chính sách khuyến khích nuôi gà thả đồi trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành chính sách	2022
3	Chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành chính sách	2022
4	Chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển sản xuất thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành chính sách	2022
5	Chính sách khuyến khích đầu tư trồng rừng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành chính sách	2022
6	Chính sách hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm của tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành chính sách	2022
7	Chính sách xây dựng mạng lưới thương mại điện tử, chuyển đổi số trong nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành chính sách	2022
8	Chính sách đối với các xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành chính sách	2022
9	Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; Quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành quy định	2022

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
10	Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành chính sách	2023
11	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển cụm công nghiệp - dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành chính sách	2022-2025
12	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ cao, công nghệ số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành	2022-2025
13	Chính sách hỗ trợ phát triển nền nông nghiệp xanh, giảm phát thải và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu	Sở Tài nguyên và MT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành chính sách	2022-2025
14	Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh đến năm 2025	Sở Du lịch	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành chính sách	2022
II	Ban hành các Kế hoạch, Đề án, Nghị quyết, Chương trình				
1	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022
2	Kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu một số cây trồng chủ lực phục vụ chế biến đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2023
3	Kế hoạch phát triển các vùng sản xuất rau an toàn tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2023
4	Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022
5	Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Chương trình	2022

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
6	Đề án giải pháp về nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vùng phía Bắc huyện Phù Mỹ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và UBND huyện Phù Mỹ	Quyết định phê duyệt Đề án	2023
7	Đề án quản lý hạn hán tỉnh Bình Định	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định phê duyệt Đề án	2023
8	Đề án tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo hướng tự động hóa cho cây trồng cạn. Tập trung triển khai thực hiện các quy định của tỉnh về hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định phê duyệt Đề án	2022
9	Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022
10	Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022
11	Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông Kôn - Hà Thanh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022
12	Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông La Tinh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2024
13	Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông Lại Giang	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2025
14	Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022
15	Đề án kiện toàn hệ thống thú y cấp huyện, thú y cấp xã	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Đề án	2022

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
16	Kế hoạch phát triển Khu chăn nuôi tập trung Nhơn Tân thành Vùng chăn nuôi công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và thị xã An Nhơn	Quyết định ban hành Kế hoạch	2023
17	Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022
18	Đề án thành lập Khu bảo tồn biển Vịnh Quy Nhơn và một số khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven biển tỉnh Bình Định	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương ven biển	Quyết định ban hành Đề án	2023-2025
19	Đề án phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021- 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định theo Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh, các địa phương, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp	Quyết định phê duyệt Đề án	2023
20	Nghị quyết về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương, các HTX	Nghị quyết được ban hành	2022
21	Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022
22	Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022-2023
23	Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022-2023
24	Kế hoạch thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022-2023
25	Đề án phát triển logistic gắn với vùng sản xuất, kinh doanh nông nghiệp	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định phê duyệt Đề án	2022-2025
26	Kế hoạch thực hiện Đề án “Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022-2023

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
27	Kế hoạch triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Sở Nông nghiệp và PTNT, các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022-2023
28	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022
29	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Bình Định	Ban Dân tộc tỉnh	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022
30	Kế hoạch thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2040, trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và MT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022-2023
31	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022
32	Kế hoạch triển khai Chương trình thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2021- 2026 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	Quyết định ban hành Kế hoạch	2022